

Số: 157/BC-UBND

Hà Tiên, ngày 16 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm
và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2023**

Căn cứ Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cải cách hành chính năm 2023;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về các hoạt động chỉ đạo, điều hành

Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của thành phố; Thành ủy, UBND thành phố quan tâm chỉ đạo lồng ghép công tác CCHC vào chương trình trọng tâm của thành phố. Hàng năm trên cơ sở kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh, UBND thành phố chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện. Bên cạnh đó, thông qua các hội nghị, cuộc họp thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, UBND các xã, phường tổ chức triển khai, quán triệt các chủ trương, chính sách,... về công tác cải cách hành chính. Nhất là cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên nghiên cứu, phát huy các phương pháp hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ, xây dựng tác phong, lề lối làm việc ngày càng hoàn thiện hơn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước.

Trên cơ sở kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh; UBND thành phố đã chỉ đạo và ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau: Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các Kế hoạch số 62-KH/TU ngày 04/03/2022 của Thành ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 15/3/2022 về thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 21/02/2023 về kiểm tra công tác CCHC năm 2023 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 14/03/2023 về thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 14/3/2022



về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính hằng năm và giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch 21/KH-UBND ngày 24/02/2023 về duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính trên địa bàn thành phố năm 2023. Trên cơ sở các kế hoạch này, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị và UBND các xã, phường.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các kế hoạch của tỉnh và thành phố về cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); Cải cách hành chính (PAR INDEX) và hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp trong việc cải thiện và nâng cao các Chỉ số PCI, PAR INDEX và PAPI, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của cả hệ thống chính trị, trong đó chủ thể chính là cơ quan hành chính nhà nước.

Hoàn thành tự đánh giá, chấm điểm CCHC thành phố năm 2022 gửi tỉnh đúng thời gian quy định, kết quả được tỉnh công nhận xếp loại xuất sắc. Chỉ đạo, hướng dẫn và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2022 đối với UBND các xã, phường, kết quả có 01 đơn vị được xếp loại xuất sắc (phường Đông Hồ) 06 đơn vị còn lại xếp loại tốt.

2. Việc cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm

Hiện nay công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố luôn được Thành ủy và UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch năm 2023 đề ra, 6 tháng đầu năm đã thực hiện được 20/24 nhiệm vụ, đạt 83,33% kế hoạch, cơ bản đảm bảo tiến độ quy định.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND về kiểm tra cải cách hành chính năm 2023. Đồng thời, chỉ đạo các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp tình hình địa phương. Thời gian kiểm tra: Dự kiến trong quý III năm 2023; đối tượng kiểm tra: Các phòng chuyên môn thành phố, UBND các xã-phường; kiểm tra trực tiếp: 03 phòng và 04 xã, phường.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh Kiên Giang, UBND thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 14/3/2023 về triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC năm 2023 trên địa bàn thành phố để tuyên truyền những nội dung liên quan đến thực hiện nhiệm vụ CCHC của thành phố, các văn bản chỉ đạo, dịch vụ công trực tuyến,..... Đồng thời, UBND thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Kết quả thực hiện: 6 tháng đầu năm 2023, toàn thành phố đã thực hiện tuyên truyền đến cán bộ, công

chức, viên chức được 15 cuộc với 382 lượt người tham dự, triển khai trong nhân dân qua các hình thức họp Tổ nhân dân tự quản được 260 cuộc với 7.442 lượt người tham dự, đăng tin bài và phát qua phương tiện thông tin đại chúng được 24 tin bài (thời sự và chuyên mục).

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao): Ủy ban nhân dân thành phố chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, 6 tháng đầu năm 2023, thành phố không có nhiệm vụ quá hạn xử lý.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương: Thành phố đã chỉ đạo thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng và ban hành các Kế hoạch như: Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/12/2022 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 07/4/2023 về thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Tiên kỳ 2019 - 2023; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 31/5/2023 về tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới và triển khai một số nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023.

- Bên cạnh đó, thành phố đã tham gia đóng góp ý kiến theo nội dung các công văn: Công văn số 197/UBND-TTTr ngày 06/4/2023 về đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định về thanh tra chuyên ngành; Công văn số 282/UBND-VP ngày 24/5/2023 về góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng và ban hành các kế hoạch như: Kế hoạch số 08/KH-UBND 03/02/2023 của UBND thành phố về thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Tiên; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 09/02/2023 của UBND thành phố về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND thành phố về quản lý công tác thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Tiên; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 06/3/2023 của UBND thành phố về thực hiện công tác Tư pháp năm 2023.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 về thực hiện Đề án Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của

người dân giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn thành phố Hà Tiên; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 02/03/2023 về vòng tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổ chức tuyên truyền được 287 cuộc, với 4.487 lượt người tham dự.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Trong 6 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn thành phố chưa có phát sinh văn bản nào cần kiểm tra, rà soát.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) **Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:** Thực hiện Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang, UBND thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn thành phố. Thời gian tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quý III năm 2023.

b) **Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:** Trên cơ sở quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của UBND tỉnh Kiên Giang, UBND thành phố chỉ đạo cập nhật, niêm yết và công bố danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố và các xã, phường. Kết quả: Số thủ tục hành chính được cập nhật và niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố 276 thủ tục hành chính thuộc 48 lĩnh vực (trong đó: 255 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố; 21 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố), số thủ tục hành chính được cập nhật và niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các xã, phường 152 thủ tục thuộc 28 lĩnh vực.

c) **Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:**

*** Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp:**

- Thành phố:

+ Nhân sự: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố thường xuyên được kiện toàn khi có thay đổi về nhân sự. Bộ phận có 06 thành viên: 01 Trưởng Bộ phận là Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND thành phố và 05 thành viên là công chức các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tư pháp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố. Trình độ các công chức làm việc tại Bộ phận là đại học, trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được phân công tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Diện tích, trang thiết bị: Bộ phận có diện tích 187 m²; được trang bị: 08 máy vi tính, 01 máy photo, 03 máy in, 01 máy scan, 01 máy điện thoại cố định, 05 máy điều hòa, 08 camera giám sát, 22 bàn làm việc, 40 ghế ngồi, 01 kios tra cứu thông tin, 01 kios bấm số tự và hệ thống đèn chiếu sáng.

- Các xã, phường:

+ Nhân sự: Mỗi xã, phường bố trí 03 đến 06 cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận. Trưởng Bộ phận là Lãnh đạo UBND các xã, phường và các thành viên là công chức: Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Văn hóa - Xã hội, Tư pháp - Hộ tịch. Trình độ các công chức làm việc tại Bộ phận từ trung cấp trở lên, trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được phân công tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Diện tích, trang thiết bị: Bộ phận có diện tích từ 32 m² đến 46,75 m²; được trang bị: 01 máy tính, 01 máy photo, 01 máy in, 01 máy scan, bàn làm việc và có ghế ngồi chờ, nước uống phục vụ cho tổ chức, cá nhân thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận.

- Thực hiện tốt việc công khai quy trình, thủ tục hồ sơ, thời gian giải quyết và phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp; quản lý, sử dụng sổ, phiếu được thực hiện theo quy định tại Công văn số 74/UBND-KSTT ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*** Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:**

Trên cơ sở chỉ đạo triển khai số hóa hồ sơ thủ tục hành chính của UBND tỉnh Kiên Giang tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 09/UBND-CCHC ngày 11 tháng 01 năm 2023 về nâng cao hiệu quả ứng dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn thành phố, UBND các xã, phường tăng cường số hóa hồ sơ thủ tục hành chính và trả kết quả điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. Kết quả thực hiện: Tính đến ngày 14 tháng 6 năm 2023, tỷ lệ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính đạt 30,02%.

*** Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trong 6 tháng đầu năm 2023:**

- **Thành phố:** Tiếp nhận và xử lý: 3.435 hồ sơ (trong đó: 3.173 hồ sơ tiếp nhận mới; 262 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang).

Hồ sơ thuộc thẩm quyền của UBND thành phố:

+ Tiếp nhận và xử lý: 1.288 hồ sơ (trong đó: 1.113 hồ sơ mới tiếp nhận (802 hồ sơ trực tuyến), 175 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang).

+ Đã giải quyết: 1.183 hồ sơ (trong đó: 889 hồ sơ trước hẹn, 243 hồ sơ đúng hẹn, 51 hồ sơ trễ hẹn).

+ Đang giải quyết: 105 hồ sơ (trong đó: 37 hồ sơ trễ hẹn).

Hồ sơ thuộc thẩm quyền Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố:

+ Tiếp nhận và xử lý: 2.147 hồ sơ (trong đó: 2.060 hồ sơ mới tiếp nhận, 87 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang).

+ Đã giải quyết: 2.052 hồ sơ (trong đó: 1.633 hồ sơ trước hẹn, 403 hồ sơ đúng hẹn, 16 hồ sơ trễ hẹn).

+ Đang xử lý: 95 hồ sơ trong hạn.

- **Cấp xã, phường:** Tiếp nhận và xử lý: 8.161 hồ sơ. Đã giải quyết: 8.160 hồ sơ (trong đó: 2.103 hồ sơ trước hẹn, 6.040 hồ sơ đúng hẹn, 17 hồ sơ trễ hẹn), 01 hồ sơ đang giải quyết.

* **Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:** Trong 6 tháng đầu năm 2023, thành phố không phát sinh phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định về thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập: tình hình vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản ổn định, thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Hiện nay trên địa bàn thành phố các cơ quan tổ chức ổn định không thực hiện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: Trên cơ sở biên chế được giao, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành quyết định phân bổ biên chế công chức, viên chức cho các cơ quan đơn vị. Tính đến thời điểm hiện tại, biên chế hiện đang có mặt 80/83 công chức, 484/536 viên chức.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương: thực hiện theo quy định của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân thành phố đã hoàn tất việc xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Trong 6 tháng đầu năm, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 15/3/2023 về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, công sở năm 2023, tiến hành

kiểm tra công vụ 01 cuộc với 15 đơn vị sự nghiệp giáo dục, nhìn chung cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023. Từ đầu năm đến nay đã cử 03 cán bộ, công chức tham dự 03 lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức (*01 thanh tra viên, 01 chuyên viên chính, 01 chuyên viên cao cấp*); phối hợp Trường Chính trị tỉnh tổ chức lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng cho 85 cán bộ, công chức, viên chức trong tháng 6 học tại thành phố Hà Tiên.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước: Hiện nay chưa có.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao: Năm 2023 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 600.000 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 là 317.522 triệu đồng, đạt 52,92% dự toán tỉnh giao.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Năm 2023 kế hoạch đầu tư công thành phố được giao là 440.556 triệu đồng, ước thực hiện giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023 của thành phố là 220.000 triệu đồng, đạt 49,94%.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

+ Việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị đều được thực hiện tốt và đảm bảo đúng theo Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 21/6/2017; Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

+ Hàng năm các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đều báo cáo tình hình sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan và kịp thời thanh lý các tài sản hư hỏng, không cần dùng. Hiện nay các đơn vị đang sử dụng phần mềm quản lý tài sản theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước. Việc thay thế, sửa chữa các thiết bị làm việc, các đơn vị đều thành lập Hội đồng để xác định rõ nguyên nhân hư hỏng, xác định rõ trách nhiệm của từng công chức và người lao động trong việc quản lý, sử dụng tài sản cơ quan, nếu tự

gây hư hỏng sẽ phải bồi thường cho cơ quan, do đó việc quản lý tài sản, trang thiết bị tại cơ quan chặt chẽ; thực hiện điều chuyển tài sản từ nơi thừa sang nơi thiếu để hạn chế, tiết kiệm việc mua sắm mới để sử dụng kinh phí cho công việc cấp thiết khác.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

Hiện nay, trên địa bàn thành phố hiện có 29 đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại như sau:

- + Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên (nhóm 1): 2 đơn vị.
- + Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2): 2 đơn vị.
- + Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3): 3 đơn vị (Nhà Thiếu nhi, Trung tâm Y tế, Trung tâm Chính trị).
- + Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4): 22 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

*** Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật:**

Phối hợp nâng cấp hệ thống thông tin mạng nội bộ một số cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tập trung, hiện đại, đạt tiêu chuẩn, đảm bảo đủ năng lực phục vụ triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, hướng đến xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số.

*** Xây dựng và phát triển các hệ thống nền tảng; các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:**

Triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; tiếp nhận, xử lý và phát hành văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên phần mềm cải cách hành chính. Triển khai phần mềm tương tác và xử lý phản ánh, kiến nghị đa kênh tích hợp vào Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Kiên Giang trên địa bàn thành phố.

*** Xây dựng, phát triển các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp:**

- Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử thành phố. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử thành phố Hà Tiên đã đăng 57 tin, bài.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn phần; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn và khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

* **Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:** Duy trì vận hành Hệ thống thông tin thành phố.

* **Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4:** Trong 6 tháng đầu năm 2023, thành phố tiếp nhận 5.393 hồ sơ trực tuyến, đạt 86,3%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố ngày càng được các cấp, các ngành chú trọng, tập trung chỉ đạo quyết liệt và được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Qua đó, công tác cải cách hành chính trên địa bàn có những chuyển biến tích cực: đội ngũ cán bộ, công chức ở các cơ quan, đơn vị nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về nhiệm vụ CCHC, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thiện hơn về trình độ, tác phong làm việc; tiến độ giải quyết hồ sơ được cải thiện, hồ sơ quá hạn xử lý giảm so với năm 2022 (Năm 2022: 97 hồ sơ; năm 2023: 37 hồ sơ tỷ lệ hồ sơ quá hạn, giảm 60 hồ sơ); các chỉ số chuyển đổi số và chỉ số CCHC của thành phố được cải thiện (tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 98,55%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 86,3%, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 31,86%; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được tăng cường.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân, cụ thể như sau:

- Việc thực hiện giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn. Tuy nhiên, vẫn còn một số hồ sơ trễ hạn, chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai.

- Công tác rà soát TTHC mặc dù đã được các đơn vị quan tâm thực hiện, tuy nhiên chất lượng rà soát chưa cao, chưa đề xuất, kiến nghị có hiệu quả (chủ yếu chỉ đề nghị giữ nguyên thủ tục hành chính).

* **Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế:** Do số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh nhiều trong khi công chức, viên chức trực tiếp xử lý hồ sơ còn ít, chưa đáp ứng kịp thời; sự phối hợp các cơ quan, đơn vị trong quá trình thẩm định, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính để trình cấp có thẩm quyền còn chậm; cơ quan chủ trì chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong việc đôn đốc cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ; cơ quan phối hợp chưa đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ theo quy định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, để phát huy những kết quả đạt được trong cải cách hành chính thời gian tới Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành

chính 6 tháng cuối năm 2023, tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như sau:

1. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Chính phủ; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23 ngày 02 tháng 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kiên Giang.
2. Ban hành tiêu chí thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC của cấp xã năm 2023.
3. Tập trung chỉ đạo việc rà soát, hệ thống hóa, cập nhật thủ tục hành chính mới, đẩy mạnh CCHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tập trung rà soát các văn bản, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, đề kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản không phù hợp, gây khó khăn cho người dân khi đến liên hệ công việc. Duy trì, đảm bảo công khai minh bạch các thủ tục hành chính, biểu mẫu, lệ phí, thời gian giải quyết cho từng loại hình công việc.
4. Tiếp tục thực hiện công tác CCHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 47/KH-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang. Duy trì vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND các xã, phường và các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.
5. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và chương trình công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND - UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thành phố;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.



Mai Quốc Thắng

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(6 tháng đầu năm 2023)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban, ngành tỉnh và UBND thị xã, huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	83,33		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20		
3.	Kiểm tra CCHC				
3.1.	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%			
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề			
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề			

4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)				
4.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%			
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%			
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao				
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	1		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1125		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1		
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0		

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản			
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản			
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản			
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL				
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản			
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%			
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản			
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản			
3.	Rà soát VBQPPL				
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản			
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%			
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản			
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản			

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	428		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	276		
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	152		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	53		

2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	34		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	10		
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,69		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1183		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1132		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,79		
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	8160		
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	8143		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0		
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0		

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.2.	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100		
1.3.	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban			
1.4.	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị			
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị			
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị			
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị	21		
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	7,14		
2.	Số liệu về biên chế công chức				

2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	83		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	80		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	8		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,75		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	536		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	484		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức				
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	21		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị			
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức				
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người			
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người			
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người			
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người			
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người			
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người			
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).				

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 154 /BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	49,94		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	440.556		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	200000		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCCL trên địa bàn thành phố (lũy kể đến thời điểm báo cáo)				
2.1.	Tổng số ĐVSNCCLL trên địa bàn thành phố	Đơn vị	29		
2.2	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	2		
2.3.	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	2		
2.4.	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	3		
2.4.1.	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1		
2.4.2.	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1		
2.4.3.	Số ĐVSNCCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1		

2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	22		
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(6 tháng đầu năm 2023)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0		
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2		
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	10		
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,69		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1183		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1132		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,79		
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	8160		
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	8143		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0		
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0		